

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23401304] - Cầu lông 2 (CCQ2224A)

STT	Thông tin sinh viên						TBTK	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học								
1	2122120057	Nguyễn Thị Trâm	Anh	05/08/2004	Nữ	CCQ2212B	6,5	V	7,0		6,80		Trung bình	
2	2122120571	Lê Kim	Bích	03/10/2004	Nữ	CCQ2212P	6,8	V	8,0		7,50		Khá	
3	2122110023	Nguyễn Hải	Đặng	13/10/2004	Nam	CCQ2211A	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
4	2122260132	Đào Tiến Anh	Đạt	02/05/2004	Nam	CCQ2226D	6,3	V	8,0		7,30		Khá	
5	2122110265	Lê Huỳnh	Đức	19/08/2004	Nam	CCQ2211G	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
6	2122120379	Đinh Thị Thùy	Dung	19/01/2004	Nữ	CCQ2212L	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
7	2122240031	Lê Thị Thùy	Dung	01/10/2001	Nữ	CCQ2224A	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
8	2122110025	Bùi Hải	Dương	05/01/2004	Nam	CCQ2211A	8,8	V	9,0		8,90		Giỏi	
9	2121030151	Nguyễn Văn	Dương	22/02/2001	Nam	CCQ2103B	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
10	2122120024	Tạ Thị Mỹ	Duyên	11/10/2003	Nữ	CCQ2212A	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
11	2122240007	Hồ Thị	Giang	25/12/1999	Nữ	CCQ2224A	8,3	V	6,0		6,90		Trung bình	
12	2122240017	Trần Ngọc	Hân	04/03/2004	Nữ	CCQ2224A	8,3	V	9,0		8,70		Giỏi	
13	2122120366	Trần Thị	Hằng	27/10/2004	Nữ	CCQ2220A	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
14	2122210072	Trần Thị Thu	Hiền	02/02/2004	Nữ	CCQ2221B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
15	2122240028	Hồ Thị Kim	Hoa	08/05/2004	Nữ	CCQ2224A	8,0	V	8,0		8,00		Khá	
16	2121210112	Lê Đức	Hoài	05/01/2002	Nam	CCQ2121C	7,3	V	9,0		8,30		Khá	
17	2122270144	Nguyễn Hữu	Hoàng	08/03/2003	Nam	CCQ2227C	6,5	V	6,0		6,20		Trung bình	
18	2122120184	Nguyễn Văn	Hoàng	25/08/2003	Nam	CCQ2212F	8,8	V	7,0		7,70		Khá	
19	2121140036	Thân Đức Trường	Huy	19/03/2003	Nam	CCQ2114A	9,3	V	10,0		9,70		Giỏi	
20	2122120514	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	06/02/2004	Nữ	CCQ2212N	9,8	V	9,0		9,30		Giỏi	
21	2122120054	Võ Văn	Khâm	03/03/2004	Nam	CCQ2212B	6,0	V	6,0		6,00		Trung bình	
22	2122120023	Phạm Việt	Khang	12/05/2002	Nam	CCQ2212A	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
23	2122120221	Hoàng Thị Thúy	Kiều	26/08/2004	Nữ	CCQ2212G	6,3	V	7,0		6,70		Trung bình	
24	2121100235	Đặng Thiên	Kim	13/10/2003	Nữ	CCQ2110G	7,5	V	7,0		7,20		Khá	
25	2122120403	Đặng Thị Ngọc	Linh	11/02/2004	Nữ	CCQ2212L	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
26	2121270114	Nguyễn Thị Bích	Loan	18/09/2003	Nữ	CCQ2127D	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
27	2122240011	Trần Thị	Luyến	25/08/2004	Nữ	CCQ2224A	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
28	2122240021	Đường Thúc	Ly	11/12/2004	Nữ	CCQ2224A	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
29	2122240032	Vũ Thị Ngọc	Mai	01/01/2004	Nữ	CCQ2224A	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
30	2119260058	Dương Hoàng Tuy	Ngân	18/07/2001	Nữ	CCQ1926B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
31	2122240010	Lê Thị Xuân	Ngân	20/10/2004	Nữ	CCQ2224A	8,3	V	6,0		6,90		Trung bình	
32	2122120070	Trần Nguyễn Bảo	Nghi	13/09/2004	Nữ	CCQ2212B	6,5	V	8,0		7,40		Khá	

33	2122200053	Đặng Nguyễn Xuân	Nhi	05/02/2004	Nữ	CCQ2220B	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
34	2122120447	Huỳnh Ngọc	Nhi	29/07/2004	Nữ	CCQ2212M	9,0	V	9,0		9,00		Giỏi	
35	2122240025	Mai Ngọc Ý	Nhi	19/01/2004	Nữ	CCQ2224A	7,5	V	7,0		7,20		Khá	
36	2122240022	Phạm Thị Yên	Nhi	08/08/2004	Nữ	CCQ2224A	6,0	V	6,0		6,00		Trung bình	
37	2122240024	Nguyễn Tú	Như	20/01/2004	Nữ	CCQ2224A	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
38	2122120482	Đặng Hoàng	Phúc	03/06/2003	Nam	CCQ2212C	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
39	2122100056	Đỗ Thị	Phương	15/12/1999	Nữ	CCQ2210B	8,3	V	9,0		8,70		Giỏi	
40	2122270106	Nguyễn Đức	Phương	17/01/2004	Nam	CCQ2212N	5,8	V	5,0		5,30		Trung bình yếu	
41	2122120588	Nguyễn Huỳnh Tha	Phương		Nữ	CCQ2212P	6,0	V	6,0		6,00		Trung bình	
42	2122120510	Trương Nguyên	Phương	19/06/2004	Nữ	CCQ2212M	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
43	2122180044	Huỳnh Nhật	Quang	10/08/2004	Nam	CCQ2218B	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
44	2122120014	Nguyễn Phú	Quốc	26/01/2004	Nam	CCQ2212A	7,3	V	6,0		6,50		Trung bình	
45	2122120004	Ngô Kim	Quyên	13/05/2000	Nữ	CCQ2212A	6,0	V	8,0		7,20		Khá	
46	2122140012	Nguyễn Phi	Tài	06/12/1997	Nam	CCQ2214A	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
47	2122120517	Nguyễn Minh	Tân	02/09/2003	Nam	CCQ2212N	8,8	V	8,0		8,30		Khá	
48	2122240009	Đỗ Thị	Thảo	09/03/2000	Nữ	CCQ2224A	6,5	V	7,0		6,80		Trung bình	
49	2122260086	Huỳnh Ngọc Bích	Thảo	15/02/2004	Nữ	CCQ2226C	8,3	V	9,0		8,70		Giỏi	
50	2122240023	Nguyễn Trân Ngọc	Thảo	22/12/2004	Nữ	CCQ2224A	8,0	V	8,0		8,00		Khá	
51	2122110357	Nguyễn Hoàng	Thông	30/07/2004	Nam	CCQ2211I	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
52	2122240016	Nguyễn Thanh	Thư	10/12/2004	Nữ	CCQ2224A	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
53	2122120195	Quách Hoài	Thương	08/07/2003	Nữ	CCQ2212F	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
54	2122100061	Hoàng Thị Lệ	Thúy	27/03/2004	Nữ	CCQ2210B	8,0	V	6,0		6,80		Trung bình	
55	2122100115	Lê Thị Phương	Thùy	26/03/2004	Nữ	CCQ2210D	6,3	V	7,0		6,70		Trung bình	
56	2122240008	Lê Thị Hồng	Tiên	26/04/2001	Nữ	CCQ2224A	6,3	V	7,0		6,70		Trung bình	
57	2122120200	Ngô Hữu	Tiên	09/09/2004	Nam	CCQ2212F	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
58	2122240013	Đàng Thị Mỹ Kim	Tiến	23/04/2001	Nữ	CCQ2224A	6,5	V	6,0		6,20		Trung bình	
59	2122110033	Nguyễn Trung	Tín	07/03/2004	Nam	CCQ2211A	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
60	2121210089	Huỳnh Yến Hồng	Trang	15/11/2003	Nữ	CCQ2121C	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
61	2122120069	Nguyễn Kim Ngọc	Trang	11/01/2004	Nữ	CCQ2212B	6,3	V	8,0		7,30		Khá	
62	2122120043	Nguyễn Lê Tuyết	Trinh	07/11/2003	Nữ	CCQ2212B	7,3	V	6,0		6,50		Trung bình	
63	2121100286	Bùi Thanh	Trúc	30/12/2003	Nữ	CCQ2110I	7,3	V	5,0		5,90		Trung bình	
64	2122240018	Bùi Thị Ngọc	Tuyền	31/12/2002	Nữ	CCQ2224A	7,3	V	6,0		6,50		Trung bình	
65	2122120088	Tổng Thị Như	Tuyền	27/02/2004	Nữ	CCQ2212C	7,8	V	5,0		6,10		Trung bình	
66	2122240212	Hồ Thị Phương	Uyên		Nữ	CCQ2224B	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
67	2122120234	Lê Thị Lệ	Văn	14/05/2004	Nữ	CCQ2220A	6,8	V	8,0		7,50		Khá	
68	2122120020	Phạm Ngọc Tú	Văn	11/04/2004	Nữ	CCQ2212A	8,0	V	7,0		7,40		Khá	
69	2121260007	Trần Thị Yến	Vi	11/03/2003	Nữ	CCQ2126A	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
70	2122140006	Đặng Nguyên Huy	Viễn	16/12/2003	Nam	CCQ2214A	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
71	2122240033	Trần Thị Diễm	Vy	20/06/2004	Nữ	CCQ2224A	8,0	V	8,0		8,00		Khá	

72	2122120418	Phạm Lê Như	Ý	30/04/2004	Nữ	CCQ2212M	9,8	V	9,0		9,30		Giỏi	
73	2122270070	Đỗ Thị Ngọc	Yến	23/09/2004	Nữ	CCQ2227C	7,5	V	7,0		7,20		Khá	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân